

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **352** /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày **22** tháng **3** năm **2021**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”,
Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho 190 tập thể, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho 90 cá nhân của các đơn vị thuộc Bộ (có danh sách kèm theo), đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2020.

Điều 2. Tiền thưởng trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị, mức thưởng 1.490.000 đồng/01 cá nhân, 2.235.000 đồng/01 tập thể.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các tập thể và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.TĐ-KT.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung

**DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU
“TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC” VÀ CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC
CÔNG NHẬN DANH HIỆU “CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ”**

(Kèm theo Quyết định số: 352/QĐ-LĐTBXH ngày 22 tháng 3 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. Tập thể

1. Phòng Kế hoạch - Thống kê, Vụ Kế hoạch - Tài chính;
2. Phòng Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch - Tài chính;
3. Phòng Xây dựng cơ bản, Vụ Kế hoạch - Tài chính;
4. Phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ;
5. Phòng Hành chính, Văn phòng Bộ;
6. Phòng Thi đua - Khen thưởng, Văn phòng Bộ;
7. Phòng Truyền thông, Văn phòng Bộ;
8. Phòng Kế toán - Tài chính, Văn phòng Bộ;
9. Phòng Quản trị, Văn phòng Bộ;
10. Phòng Quản lý xe, Văn phòng Bộ;
11. Đại diện Văn phòng Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Bộ;
12. Nhà khách Người có công, Văn phòng Bộ;
13. Phòng Thanh tra chính sách lao động, Thanh tra Bộ;
14. Phòng Thanh tra chính sách về trẻ em và xã hội, Thanh tra Bộ;
15. Phòng Thanh tra chính sách bảo hiểm xã hội, Thanh tra Bộ;
16. Phòng Chính sách việc làm, Cục Việc làm;
17. Phòng Thị trường lao động, Cục Việc làm;
18. Phòng Bảo hiểm thất nghiệp, Cục Việc làm;
19. Phòng Quản lý lao động, Cục Việc làm;
20. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Việc làm;
21. Văn phòng Cục Việc làm;
22. Phòng Nghiệp vụ Bảo hiểm thất nghiệp, Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm, Cục Việc làm;
23. Phòng Tiền lương, Cục Quan hệ lao động và Tiền lương;
24. Phòng Quan hệ lao động, Cục Quan hệ lao động và Tiền lương;



[Handwritten signature]

25. Phòng Đài Loan, Âu, Mỹ, Cục Quản lý lao động ngoài nước;
26. Phòng Hàn Quốc, Tây Á, Châu Phi, Cục Quản lý lao động ngoài nước;
27. Phòng Nhật Bản, Đông Nam Á, Cục Quản lý lao động ngoài nước;
28. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Quản lý lao động ngoài nước;
29. Phòng Pháp chế - Thanh tra, Cục Quản lý lao động ngoài nước;
30. Ban Quản lý lao động Việt Nam tại Đài Loan, Cục Quản lý lao động ngoài nước;
31. Phòng Chính sách bảo hộ lao động, Cục An toàn lao động;
32. Phòng Quy chuẩn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, Cục An toàn lao động;
33. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục An toàn lao động;
34. Phòng Pháp chế - Thanh tra, Cục An toàn lao động;
35. Trung tâm Quốc gia về An toàn - Vệ sinh lao động, Cục An toàn lao động;
36. Phòng Chính sách 1, Cục Người có công;
37. Phòng Chính sách 2, Cục Người có công;
38. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Người có công;
39. Phòng Hồ sơ - Thông tin liệt sĩ, Cục Người có công;
40. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Người có công;
41. Phòng Chăm sóc trẻ em, Cục Trẻ em;
42. Phòng Bảo vệ trẻ em, Cục Trẻ em;
43. Phòng Phát triển và tham gia của trẻ, Cục Trẻ em;
44. Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ truyền thông, Cục Trẻ em;
45. Phòng Công tác xã hội, Cục Bảo trợ xã hội;
46. Văn phòng Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam, Cục Bảo trợ xã hội;
47. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội;
48. Vụ Đào tạo chính quy, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
49. Vụ Nhà giáo, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
50. Vụ Cơ sở vật chất và thiết bị, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
51. Vụ Công tác học sinh, sinh viên, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
52. Vụ Kỹ năng nghề, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
53. Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
54. Vụ Pháp chế - Thanh tra, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
55. Văn phòng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

56. Ban Quản lý các dự án giáo dục nghề nghiệp vốn ODA, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
57. Phòng Kế hoạch - Đầu thầu, Ban Quản lý các dự án giáo dục nghề nghiệp vốn ODA, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
58. Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
59. Văn phòng Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
60. Phòng Hành chính - Quản trị, Văn phòng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
61. Phòng Thông tin - Truyền thông, Văn phòng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
62. Trung tâm Thông tin thống kê, Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
63. Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
64. Ban Quản lý dự án Giáo dục nghề nghiệp vốn chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
65. Văn phòng, Viện Khoa học Lao động và Xã hội;
66. Phòng Kế hoạch - Đối ngoại, Viện Khoa học Lao động và Xã hội;
67. Phòng Quản lý khoa học, Viện Khoa học Lao động và Xã hội;
68. Trung tâm Nghiên cứu môi trường và điều kiện lao động, Viện Khoa học Lao động và Xã hội;
69. Trung tâm Thông tin, phân tích và dự báo chiến lược, Viện Khoa học Lao động và Xã hội;
70. Trung tâm Nghiên cứu dân số, lao động, việc làm, Viện Khoa học Lao động và Xã hội;
71. Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Lao động - Xã hội;
72. Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trường Đại học Lao động - Xã hội;
73. Khoa Quản lý nguồn nhân lực, Trường Đại học Lao động - Xã hội;
74. Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Lao động - Xã hội;
75. Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội;
76. Khoa Giáo dục đại cương, Trường Đại học Lao động - Xã hội;
77. Văn phòng Đảng - Đoàn thể, Trường Đại học Lao động - Xã hội;
78. Phòng Quản trị thiết bị, Trường Đại học Lao động - Xã hội;
79. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Lao động - Xã hội;

80. Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội;
81. Phòng Quản lý đào tạo, Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội;
82. Khoa Công tác xã hội, Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội;
83. Khoa Quản lý nguồn nhân lực, Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội;
84. Phòng Quản lý chất lượng, Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội;
85. Khoa Quản trị kinh doanh, Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội;
86. Phòng Tổ chức - Hành chính, Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội;
87. Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng và Dịch vụ, Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội;
88. Cơ sở Sơn Tây Trường Đại học Lao động - Xã hội;
89. Phòng Tổ chức - Hành chính, Cơ sở Sơn Tây Trường Đại học Lao động - Xã hội;
90. Phòng Tổ chức - Hành chính, Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Nam Định;
91. Khoa Điện - Điện tử, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định;
92. Trung tâm Thực hành, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định;
93. Khoa Sư phạm kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định;
94. Phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh;
95. Khoa Cơ khí động lực, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh;
96. Khoa Điện, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh;
97. Khoa Cơ khí chế tạo, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh;
98. Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh;
99. Khoa Điện tử, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh;
100. Khoa Cơ khí, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long;
101. Khoa Cơ khí động lực, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long;
102. Phòng Tổ chức - Hành chính, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long;
103. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long;
104. Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long;
105. Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long;
106. Khoa Khoa học Sinh học ứng dụng, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long;
107. Trung tâm Thực hành, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long;

108. Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ;
109. Khoa Điện, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ;
110. Khoa Điện tử - Điện lạnh, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ;
111. Khoa Cơ khí chế tạo, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ;
112. Phòng Quan hệ doanh nghiệp, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ;
113. Khoa Điện - Điện tử, Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ Dung Quất;
114. Khoa Kỹ thuật tổng hợp, Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ Dung Quất;
115. Khoa Cơ khí chế tạo, Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ Dung Quất;
116. Khoa Cơ khí động lực, Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ Dung Quất;
117. Khoa Cơ khí động lực, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II;
118. Khoa Điện - Điện tử, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II;
119. Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II;
120. Khoa Kỹ thuật công nghệ, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II;
121. Khoa Bảo hộ lao động và Môi trường, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II;
122. Phòng Tổ chức - Hành chính, Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động - xã hội;
123. Phòng Tài chính - Kế toán, Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động - xã hội;
124. Khoa Quản lý hành chính nhà nước, Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động - xã hội;
125. Phòng Tài chính - Kế toán, Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An;
126. Phòng Hướng nghiệp dạy nghề, Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An;
127. Khoa Giáo dục đặc biệt, Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An;
128. Khoa Can thiệp trẻ tự kỷ, Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An;
129. Phòng Khám chuyên khoa Tâm thần và Phục hồi chức năng, Trung tâm Điều dưỡng Phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì;
130. Khoa Phục hồi chức năng bệnh nhân nữ, Trung tâm Điều dưỡng Phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì;
131. Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật;

132. Phòng Tài chính - Kế toán, Trung tâm Phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật;
133. Khoa Điều trị - Phục hồi chức năng, Trung tâm Phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật;
134. Khoa Đào tạo - Hướng nghiệp dạy nghề, Trung tâm Phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật;
135. Khoa Nuôi dưỡng - Chăm sóc đặc biệt, Trung tâm Phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật;
136. Phòng Tài chính - Kế toán, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Hà Nội;
137. Xưởng Chỉnh hình và dụng cụ trợ giúp, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Hà Nội;
138. Xưởng Chỉnh hình và dụng cụ trợ giúp, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ;
139. Khoa Phẫu thuật chỉnh hình, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ;
140. Khoa Cấp cứu và Khám bệnh, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ;
141. Phòng Tài chính - Kế toán, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ;
142. Phòng Kế toán - Tài vụ, Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
143. Phòng Tổ chức cán bộ, Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
144. Phòng Hành chính - Quản trị, Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
145. Khoa Khám bệnh, Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
146. Khoa Phẫu thuật phục hồi, Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
147. Khoa Vật lý trị liệu, Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
148. Xưởng Chỉnh hình, Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
149. Khoa Phẫu thuật chỉnh hình, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Đà Nẵng;
150. Phòng Kế hoạch tổng hợp Y vụ và Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Đà Nẵng;
151. Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Đà Nẵng;

152. Phòng Kế toán - Tài vụ, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn;
153. Khoa Dược cận lâm sàng, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn;
154. Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn;
155. Khoa Khám bệnh hồi sức cấp cứu, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn;
156. Khoa Phẫu thuật chỉnh hình và nội trú, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn;
157. Phòng Kế hoạch tổng hợp y vụ chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn;
158. Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
159. Khoa Cận lâm sàng, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
160. Khoa Phục hồi chức năng, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
161. Khoa Phẫu thuật chỉnh hình, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
162. Khoa Gây mê - Hồi sức, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
163. Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Lạng Giang, Cục Người có công;
164. Phòng Y tế - Phục hồi chức năng, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Thuận Thành, Cục Người có công;
165. Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Duy Tiên, Cục Người có công;
166. Phòng Y tế - Phục hồi chức năng, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Kim Bảng, Cục Người có công;
167. Khoa Điều trị I, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Kim Bảng, Cục Người có công;
168. Khoa Điều trị III, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Kim Bảng, Cục Người có công;
169. Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Kim Bảng, Cục Người có công;
170. Phòng Kế toán - Tài vụ, Trung tâm Điều dưỡng người có công Sầm Sơn, Cục Người có công;
171. Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Điều dưỡng thương binh và người có công Long Đất, Cục Người có công;

172. Phòng Điều dưỡng người có công, Trung tâm Điều dưỡng thương binh và người có công Long Đất, Cục Người có công;
173. Văn phòng, Trung tâm Thông tin;
174. Phòng Hệ thống, Trung tâm Thông tin;
175. Phòng Phát triển ứng dụng, Trung tâm Thông tin;
176. Ban Thư ký Tòa soạn, Báo Lao động và Xã hội;
177. Phòng Kế toán - Tài vụ, Báo Lao động và Xã hội;
178. Phòng Trị sự và Truyền thông, Báo Lao động và Xã hội;
179. Ban Phóng viên, Báo Lao động và Xã hội;
180. Ban Biên tập Báo điện tử, Báo Lao động và Xã hội;
181. Phòng Hành chính - Trị sự, Tạp chí Lao động và Xã hội;
182. Văn phòng Đại diện phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Lao động và Xã hội;
183. Phòng Hành chính - Trị sự - Kế toán, Tạp chí Gia đình và Trẻ em;
184. Ban Thư ký - Biên tập, Tạp chí Gia đình và Trẻ em;
185. Phòng Phát hành - Quảng cáo, Tạp chí Gia đình và Trẻ em;
186. Trạm Kiểm định miền Trung, Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II;
187. Phòng Quản lý Chương trình và Dự án, Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam;
188. Văn phòng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam;
189. Phòng Vận động nguồn lực, Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam;
190. Văn phòng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Bộ.

II. Cá nhân

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Đào Ngọc Dung | Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; |
| 2. Ông Lê Tấn Dũng | Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; |
| 3. Ông Lê Văn Thanh | Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hà | Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; |
| 5. Ông Nguyễn Bá Hoan | Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; |
| 6. Ông Phạm Trường Giang | Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm xã hội; |
| 7. Bà Nguyễn Thị Hà | Chuyên viên Vụ Bảo hiểm xã hội; |

8. Bà Trần Thị Bích Loan Phó Vụ trưởng Vụ Bình đẳng giới, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban Quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ;
9. Bà Nguyễn Thị Mận Chuyên viên Vụ Bình đẳng giới;
10. Ông Nguyễn Văn Bình Vụ trưởng Vụ Pháp chế;
11. Bà Nguyễn Thị Nhân Chuyên viên Vụ Pháp chế;
12. Bà Nguyễn Thị Vân Chuyên viên chính Vụ Pháp chế;
13. Ông Nguyễn Mạnh Cường Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế;
14. Bà Hà Thị Minh Đức Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế;
15. Bà Vũ Thị Việt Hải Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế;
16. Bà Nguyễn Ngọc Anh Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế;
17. Ông Trịnh Minh Chí Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;
18. Ông Trần Hưng Long Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;
19. Bà Phùng Ngọc Châm Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ;
20. Ông Phạm Quang Phụng Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;
21. Ông Trịnh Duy Chấn Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;
22. Ông Nguyễn Việt Cường Phó Trưởng Phòng Kế hoạch - Thống kê, Vụ Kế hoạch - Tài chính;
23. Ông Phùng Việt Tuấn Chuyên viên Phòng Xây dựng cơ bản, Vụ Kế hoạch - Tài chính;
24. Ông Phí Công Tuyển Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán, Vụ Kế hoạch - Tài chính;
25. Ông Vũ Xuân Hân Chánh Văn phòng Bộ;
26. Ông Đặng Đức Thuận Phó Chánh Văn phòng Bộ;
27. Ông Phạm Hồng Đào Trưởng Phòng, Văn phòng Bộ;
28. Bà Trương Thị Nga Lưu trữ viên Phòng Hành chính, Văn phòng Bộ;
29. Ông Nguyễn Văn Chương Phó Trưởng Phòng Thi đua - Khen thưởng, Văn phòng Bộ;
30. Ông Tống Văn Giáp Chuyên viên Phòng Truyền thông, Văn phòng Bộ;
31. Ông Nguyễn Quang Toàn Chuyên viên Phòng Cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Bộ;



32. Bà Bùi Thị Hải Yến Kế toán viên Phòng Kế toán - Tài chính, Văn phòng Bộ;
33. Ông Đặng Minh Tâm Chuyên viên Phòng Quốc phòng - An ninh, Văn phòng Bộ;
34. Ông Nguyễn Hữu Tường Bảo vệ Phòng Quốc phòng - An ninh, Văn phòng Bộ;
35. Ông Đỗ Văn Ván Nhân viên Phòng Quản trị, Văn phòng Bộ;
36. Bà Nguyễn Thị Bạo Nhân viên Phòng Quản trị, Văn phòng Bộ;
37. Ông Nguyễn Ngọc Chiến Trưởng Phòng Quản trị nhà làm việc liên cơ D25, Văn phòng Bộ;
38. Ông Nguyễn Chí Lợi Nhân viên Phòng Quản trị nhà làm việc liên cơ D25, Văn phòng Bộ;
39. Ông Phùng Thế Cư Lái xe Phòng Quản lý xe, Văn phòng Bộ;
40. Ông Nguyễn Tuấn Long Lái xe Phòng Quản lý xe, Văn phòng Bộ;
41. Ông Phạm Anh Thắng Trưởng Đại diện Văn phòng Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Bộ;
42. Ông Lê Quốc Thiện Lái xe Đại diện Văn phòng Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Bộ;
43. Bà Lê Thị Hương Nhân viên Nhà khách, Văn phòng Bộ;
44. Ông Trần Văn Vinh Nhân viên Nhà khách, Văn phòng Bộ;
45. Ông Lê Tùng Châu Giám đốc Nhà khách Người có công, Văn phòng Bộ;
46. Bà Hoàng Thị Dung Phó Giám đốc Nhà khách Người có công, Văn phòng Bộ;
47. Bà Phan Thị Hoài Phương Quản lý Phòng, Nhà khách Người có công, Văn phòng Bộ;
48. Bà Tạ Tú Thanh Nhân viên Nhà khách Người có công, Văn phòng Bộ;
49. Bà Trịnh Minh Tuyên Phụ trách Phòng, Nhà khách Người có công, Văn phòng Bộ;
50. Bà Nguyễn Thị Trang Nhân viên Nhà khách Người có công, Văn phòng Bộ;
51. Bà Phạm Thị Tính Nhân viên Nhà khách Người có công, Văn phòng Bộ;
52. Ông Lê Văn Hoạt Vụ trưởng, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Bộ, Chánh Văn phòng Đảng - Đoàn thể;
53. Bà Hoàng Thị Thu Huyền Chủ tịch Công đoàn Bộ;
54. Bà Đào Thị Kim Châu Trưởng Phòng, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy Bộ;

- | | |
|---------------------------|--|
| 55. Ông Nguyễn Tiến Tùng | Chánh Thanh tra Bộ; |
| 56. Ông Vũ Trọng Bình | Cục trưởng Cục Việc làm; |
| 57. Ông Nguyễn Huy Hưng | Cục trưởng Cục Quan hệ lao động và Tiền lương; |
| 58. Ông Tống Hải Nam | Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước; |
| 59. Ông Đào Ngọc Lợi | Cục trưởng Cục Người có công; |
| 60. Ông Đặng Hoa Nam | Cục trưởng Cục Trẻ em; |
| 61. Ông Nguyễn Văn Hồi | Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội; |
| 62. Ông Trương Anh Dũng | Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; |
| 63. Bà Lê Minh Giang | Giám đốc Quốc gia Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam; |
| 64. Ông Bùi Tôn Hiến | Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội; |
| 65. Ông Hà Xuân Hùng | Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội; |
| 66. Ông Đặng Quyết Thắng | Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định; |
| 67. Ông Phạm Hữu Truyền | Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh; |
| 68. Ông Thái Anh Tuấn | Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh; |
| 69. Ông Cao Hùng Phi | Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long; |
| 70. Ông Nguyễn Thanh Tùng | Chủ tịch Hội đồng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long; |
| 71. Ông Đặng An Bình | Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ; |
| 72. Bà Vũ Ngọc Thủy | Hiệu trưởng Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động - xã hội, nguyên Vụ trưởng, Chánh Văn phòng Ban cán sự đảng Bộ; |
| 73. Ông Trần Văn Lý | Giám đốc Trung tâm phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An; |
| 74. Ông Lương Ngọc Cương | Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì; |
| 75. Ông Nguyễn Xuân Thắng | Giám đốc Trung tâm Phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật; |
| 76. Ông Dương Hữu Đức | Giám đốc Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ; |
| 77. Ông Phạm Anh Văn | Giám đốc Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh; |

78. Ông Đỗ Văn Thành Giám đốc Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Đà Nẵng;
79. Ông Võ Văn Việt Giám đốc Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn;
80. Ông Đỗ Trọng Ánh Giám đốc Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh;
81. Ông Nguyễn Minh Tuấn Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng thương binh Kim Bảng, Cục Người có công;
82. Ông Nguyễn Văn Tuất Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng thương binh Lạng Giang, Cục Người có công;
83. Ông Nguyễn Sỹ Lương Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng người có công Miền Trung, Cục Người có công;
84. Bà Nguyễn Thu Hằng Phó Tổng Biên tập phụ trách Báo Lao động và Xã hội;
85. Ông Trần Ngọc Diễn Tổng Biên tập Tạp chí Lao động và Xã hội;
86. Ông Đỗ Chí Dũng Giám đốc Trung tâm Thông tin;
87. Ông Nguyễn Minh Phúc Giám đốc Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật an toàn khu vực I;
88. Ông Lê Công Sơn Giám đốc Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật an toàn khu vực II;
89. Ông Hoàng Văn Tiến Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam;
90. Ông Nguyễn Tuấn Anh Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Bộ./.

